

Số : 00269/19CN.TCKĐ

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT, AN TOÀN VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG - INCOSAF

Địa chỉ: Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng: số 20 Nguyễn Lộ Trạch, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: số 14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số đăng ký chứng nhận: VR-071-KĐKTAT-TVXD

**ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

Chi tiết tại Quyết định số: 1099/QĐ-ĐKVN ngày 07 tháng 08 năm 2019

Ngày cấp: 07 tháng 08 năm 2019

Ngày hết hiệu lực: 07 tháng 08 năm 2024

Cấp lần thứ: 01

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP



K.T. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Vũ Hải

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-BGTVT, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Xét văn bản đề nghị số 092/CN-HĐTĐ ngày 07 tháng 08 năm 2019 của Hội đồng thẩm định tổ chức đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và sát hạch nghiệp vụ kiểm định viên kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực dùng trong giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho Công ty Cổ Phần Kiểm Định Kỹ Thuật, An Toàn và Tư Vấn Xây Dựng - Incosaf, cụ thể:

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng: số 20 Nguyễn Lộ Trạch, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: số 14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã số đăng ký chứng nhận: VR-071-KĐKTAT-TVXD

Điều 2. Phạm vi thực hiện kiểm định của tổ chức nêu tại Điều 1 được ghi trong Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 4. Giám đốc Công ty Cổ Phần Kiểm Định Kỹ Thuật, An Toàn và Tư Vấn Xây Dựng - Incosaf, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, CN.



Nguyễn Vũ Hải

PHỤ LỤC**PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1099/QĐ-ĐKVN ngày 07 tháng 08 năm 2019 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam)

| STT | Tên đối tượng kiểm định | Ghi chú |
|------------|--|---------|
| I. | Thiết bị xếp dỡ | |
| I.1 | Thiết bị xếp dỡ trên phương tiện đường bộ | |
| 1 | Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích | |
| 2 | Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 3 | Sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao | |
| 4 | Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 5 | Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m | |
| I.2 | Thiết bị xếp dỡ dùng trong cảng hàng không, cảng thủy, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy, phương tiện đường sắt | |
| 1 | Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục tháp, cần trục chân đế | |
| 2 | Cầu trục lăn, cầu trục treo | |
| 3 | Cồng trục, bán công trục | |
| 4 | Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 5 | Xe tời điện chạy trên ray | |
| 6 | Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 7 | Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng | |
| 8 | Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 9 | Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m | |
| 10 | Thang máy | |

| STT | Tên đối tượng kiểm định | Ghi chú |
|------------|--|---------|
| 11 | Thang cuốn; băng tải chở người | |
| II. | Thiết bị áp lực trên phương tiện đường bộ | |
| 1 | Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) | |
| 2 | Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar | |